

# THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA HOA KỲ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**Th.s. Trịnh Quốc Tuy, PGS.TS. Lê Quốc Hội**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: hoilq@neu.edu.vn*

*Từ khi Việt Nam – Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ ngoại giao (1995), đặc biệt sau khi Việt Nam - Hoa Kỳ ký hiệp định thương mại song phương (BTA) năm 2000 và có hiệu lực năm 2001, Việt Nam chính thức là thành viên của tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007, đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ (FDI của Hoa Kỳ) vào Việt Nam ngày càng tăng. FDI của Hoa Kỳ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở rộng xuất khẩu, bổ sung nguồn vốn đầu tư, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam... Tuy nhiên, lượng FDI của Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam còn thấp so với tiềm năng, việc chuyển giao công nghệ còn nhiều hạn chế,... Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút FDI, khắc phục yếu kém về kết cấu hạ tầng và trở ngại về thủ tục hành chính, cải tiến và tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư (XTĐT), chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, phát huy các hiệp định đã ký, thúc đẩy các hiệp định đang đàm phán và chủ động liên kết với đối tác Hoa Kỳ để giải quyết khó khăn trong hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư Hoa Kỳ tại Việt Nam, sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước, gắn lợi ích của Hoa Kỳ vào Việt Nam, không chỉ vì lợi ích kinh tế.*

**Từ khóa:** FDI của Hoa Kỳ, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, xúc tiến đầu tư, nhà đầu tư Hoa Kỳ, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ

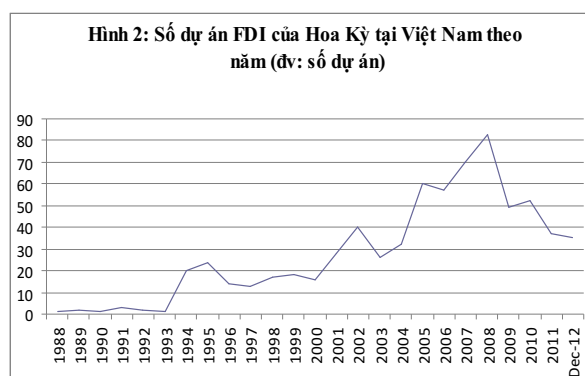
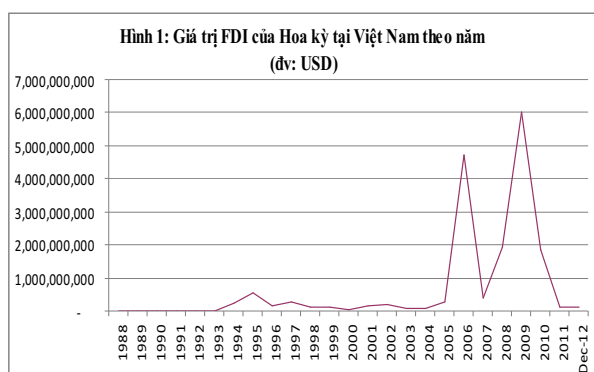
## **1. Tổng quan tình hình thu hút và sử dụng FDI của Hoa Kỳ ở Việt Nam thời gian qua**

*\* Tình hình thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam từ năm 1994 đến nay*

Sau khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận Việt Nam (1994), đồng thời với chủ trương mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được lượng đáng kể FDI Hoa Kỳ. Tuy giá trị này vẫn chưa xứng với tiềm năng của Hoa Kỳ do nhiều bất cập, nhưng đã thể hiện sự hấp dẫn của thị trường Việt Nam với các nhà đầu tư Hoa Kỳ. Riêng năm 1994, Hoa Kỳ đã đầu tư 120,310 triệu USD với 12 dự án vào Việt Nam, trong khi giá trị này trong cả giai đoạn 1988-1993 là 3,34 triệu USD. Đến năm 1995, Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam đạt mức cao nhất giai đoạn 1994 – 2000, với 19 dự án và 397,871 triệu USD tổng vốn. Từ năm 1997, do khủng hoảng

tài chính Châu Á, FDI Hoa Kỳ vào Việt Nam có xu hướng giảm, đỉnh điểm là năm 1999, Việt Nam chỉ thu hút được 66,352 triệu USD. Năm 2001, tình hình này được cải thiện với 23 dự án và 110,8 triệu USD tổng vốn, đưa Hoa Kỳ trở lại vị trí thứ 6/10 nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam năm 2001, tuy nhiên, giá trị đầu tư của Hoa Kỳ còn nhỏ, chưa bằng 1/5 của Hà Lan - nước đứng đầu danh sách trên.

Giai đoạn 2001 – 2006, được đánh dấu bằng việc Việt Nam – Hoa Kỳ ký BTA năm 2000, sau khi có hiệu lực năm 2001 đã giúp Việt Nam thu hút FDI của Hoa Kỳ giai đoạn 2001-2010 tăng 5 lần so với giai đoạn 1988 – 2000 và FDI của Hoa Kỳ thông qua nước thứ 3 tăng gần 3 lần, đưa Hoa Kỳ lên vị trí thứ 7/93 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, BTA cũng khuyến khích nhà đầu tư từ nước khác đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực dệt may, giày dép, đồ gỗ, hải sản,... để được xuất khẩu



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch – Đầu tư

sang thị trường Hoa Kỳ. Tuy nhiên, FDI của Hoa Kỳ vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng, cho tới ngày 30/6/2006, FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam (kể cả qua nước thứ 3) mới chỉ đạt 4,042 tỷ USD, chiếm gần 0,72% tổng đầu tư của Hoa Kỳ vào Đông Nam Á.

Giai đoạn 2007 đến nay, đánh dấu bằng việc Hoa Kỳ trao quy chế bình thường hóa quan hệ thương mại vĩnh viễn (PNTR) cho Việt Nam và ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO (2006). Đây là tác động mạnh mẽ nhất giúp Việt Nam hội nhập sâu, rộng vào nền

**Bảng 1: Các dự án FDI của Hoa Kỳ phân theo lĩnh vực đầu tư**

(tính đến 31/3/2011), đv:USD

TT	Ngành	Số dự án	Tỷ trọng	Tổng vốn	Tỷ trọng
1	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa	22	3.85	39.669.000	0.30
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	287	50.26	1.681.016.372	12.71
3	Dịch vụ khác	4	0.70	2.160.000	0.02
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	14	2.45	5.944.605.000	44.95
5	Giáo dục và đào tạo	6	1.05	7.570.000	0.057
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	57	9.98	93.544.317	0.71
7	Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	9	1.58	44.175.980	0.33
8	Kinh doanh bất động sản	11	1.93	3.719.376.496	28.13
9	Khai khoáng	4	0.70	61.400.000	0.46
10	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	13	2.28	126.844.162	0.96
11	Nghệ thuật và giải trí	4	0.70	11.930.000	0.09
12	Sản xuất, phân phối sản phẩm điện, khí nước và điều hòa	8	1.40	849.640.200	6.43
13	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	9	1.58	168.210.000	1.27
14	Thông tin và truyền thông.	91	15.94	71.481.984	0.54
15	Vận tải, kho bãi	13	2.28	192.682.000	1.46
16	Xây dựng	9	1.58	190.530.000	1.44
17	Y tế và trợ giúp xã hội	10	1.75	18.891.301	0.14
	<b>Tổng</b>	<b>571</b>	<b>100%</b>	<b>13.223.726.812</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch – Đầu tư

kinh tế thế giới, đồng thời tạo hành lang pháp lý cho Việt Nam thu hút FDI từ Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới. Thêm vào đó, thông qua các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước, nhiều thỏa thuận, hoạt động XTĐT, trao đổi thông qua các diễn đàn (hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA), hội đồng tư vấn Việt Nam – Hoa Kỳ) và các hiệp định liên quan đến đầu tư được thúc đẩy, như hiệp định đầu tư song phương (BIT),... tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư Hoa Kỳ vào Việt Nam. Tuy nhiên, từ cuối năm 2007, kinh tế Hoa Kỳ và nhiều nước lớn khác trên thế giới lâm vào khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, đến nay vẫn còn bị ảnh hưởng rất lớn, do đó FDI từ Hoa Kỳ và các nước vào Việt Nam cũng bị ảnh hưởng.

*\* Tình hình triển khai các dự án FDI của Hoa Kỳ ở Việt Nam hiện nay*

Tính đến ngày 20/11/2012, chỉ còn 639 dự án của các nhà đầu tư Hoa Kỳ tại Việt Nam còn hiệu lực với số vốn 10,467,818,254 USD (chưa tính vốn từ nước thứ ba và tăng vốn), đứng thứ 8/93 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam.

*Đánh giá theo lĩnh vực đầu tư:* Tính đến 31/3/2011, FDI của Hoa Kỳ tập trung vào lĩnh vực dịch vụ với trên 259 dự án chiếm 45,4% về số dự án với tổng vốn đầu tư gần 10,5 tỷ USD chiếm 79,5% tổng vốn đầu tư. Riêng lĩnh vực lưu trú – ăn uống

mặc dù chỉ chiếm 2,45% về số dự án nhưng chiếm tới 44,95% tổng vốn đầu tư, do có nhiều dự án lớn như Good Choice USA cam kết đầu tư gần 1,3 tỷ USD, tập đoàn Winvest Investment LLC đầu tư 300 triệu USD, Rockingham Asset với dự án 112 triệu USD... Lĩnh vực bất động sản chiếm 1,93% dự án nhưng chiếm tới 28,13% tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với 254 dự án chiếm 60% tổng số dự án tương ứng 1,24 tỷ USD chiếm 30% tổng số vốn đầu tư, số còn lại đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

*Đánh giá theo địa bàn đầu tư:* Trừ lĩnh vực dầu khí, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã đầu tư tại 37/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam, chủ yếu tập trung tại các địa phương thuộc trọng điểm kinh tế phía Nam Việt Nam và một số địa phương phía Bắc, nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của Việt Nam như Bà Rịa - Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội và Hải Phòng.

*Đánh giá theo hình thức đầu tư:* Đa số các nhà đầu tư Hoa Kỳ lựa chọn hình thức 100% vốn nước ngoài, chiếm 79,68% về số dự án và 79,13% về vốn đăng ký khi đầu tư vào Việt Nam. Hình thức liên doanh chiếm 15,94% về số dự án và 19,38% về vốn đăng ký. Hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng chủ yếu trong lĩnh vực thăm dò và khai

**Bảng 2: FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam theo địa phương, đv: USD**

(tính đến ngày 31/3/2011)

TT	Địa bàn	Số dự án	Tỷ trọng	Số vốn	Tỷ trọng
1	TP HCM	215	37.65	659.262.575	4.99
2	Đồng Nai	42	7.36	333.430.710	2.52
3	Hà Nội (mới)	66	11.56	210.312.480	1.59
4	Phú Yên	8	1.40	1.707.260.125	12.91
5	Bà Rịa Vũng Tàu	18	3.15	6.591.220.477	49.84
6	Bình Dương	84	14.71	467.073.942	3.53
7	Quảng Ninh	4	0.70	121.062.500	0.92
8	Huế	14	2.45	72.840.690	0.55
9	Hải Phòng	13	2.28	1.170.728.752	8.85
10	Các địa phương khác	107	18.74	1.890.534.561	14.30
	<b>Tổng</b>	<b>571</b>	<b>100%</b>	<b>13.223.726.812</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch – Đầu tư*

**Bảng 3: Hình thức dự án FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam**

(đ/v: USD) (tính đến 31/3/2011)

STT	Hình thức đầu tư	Số dự án	Tỷ trọng	Tổng vốn	Tỷ trọng
1	100% vốn nước ngoài	455	79.68	10.464.437.552	79.13
2	Liên doanh	91	15.94	2.562.670.678	19.38
3	Công ty Cổ phần	13	2.28	119.082.500	0.90
	Hợp đồng hợp tác LD	12	2.10	77.536.082	0.59
	<b>Tổng</b>	<b>571</b>	<b>100 %</b>	<b>13.223.726.812</b>	<b>100 %</b>

*Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch – Đầu tư*

thác dầu khí có 12 dự án với tổng vốn đầu tư 77,536 triệu USD.

## 2. Đánh giá hoạt động thu hút và sử dụng FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam

Hoạt động thu hút và sử dụng FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam đã đạt được kết quả sau:

*Thứ nhất*, nhận thức về tiềm năng, lợi thế của các nhà đầu tư Hoa Kỳ và tầm quan trọng của việc tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả FDI của Hoa Kỳ đối với sự phát triển đất nước của hầu hết các cấp chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân Việt Nam đã được nâng cao. Do đó, bên cạnh chính sách thu hút FDI nói chung, ở các Bộ, Ngành, một số địa phương Việt Nam cũng có các chính sách, chương trình XTĐT để thu hút FDI của Hoa Kỳ riêng.

*Thứ hai*, hành lang pháp lý cho hoạt động thu hút và sử dụng FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam ngày càng được tăng cường, hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng được thúc đẩy, thể hiện qua một số kết quả sau: Hoa Kỳ bỏ cấm vận (1994) và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam (1995); Việt Nam – Hoa Kỳ ký BTA năm 2000; Hoa Kỳ trao PNTR cho Việt Nam và ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO năm 2006. Ngoài ra, các chuyến thăm cấp cao giữa lãnh đạo hai nước được thúc đẩy, trong các chuyến thăm đó, hai bên đã thông qua các hợp tác đầu tư giữa hai nước như TIFA, đang hướng tới BIT và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Bên cạnh đó, các cấp chính quyền và doanh nghiệp Việt Nam cùng với chính phủ và các doanh nghiệp Hoa Kỳ thường

xuyên tổ chức các hoạt động XTĐT tại Hoa Kỳ và Việt Nam vào các lĩnh vực thế mạnh của Hoa Kỳ như: công nghệ thông tin, sinh học, ngân hàng – tài chính, cơ khí,... đồng thời đối thoại nhằm tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư, tháo gỡ vướng mắc mà nhà đầu tư Hoa Kỳ đang gặp phải tại Việt Nam.

*Thứ ba*, Việt Nam đã thu hút được một số công ty xuyên quốc gia hàng đầu thế giới của Hoa Kỳ. Đến nay, đã có 25 tập đoàn lớn của Hoa Kỳ trong Top Fortune 500 đến Việt Nam tìm cơ hội đầu tư, nhiều tập đoàn đã quyết định đầu tư tại Việt Nam như Intel, Starwood Hotels&Resorts, Citigroup và American Group, New York& Company, Alfonso DeMatteis, Dickerson Knight Group, AIA, General Electric (GE), P&G, Pepsi – Cola,... Những quyết định đầu tư này cùng với những đánh giá tích cực về môi trường đầu tư, tiềm năng, lợi thế của kinh tế Việt Nam không chỉ tạo cơ hội cho Việt Nam tiếp cận nguồn vốn lớn, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại từ các tập đoàn lớn của Hoa Kỳ mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực tới quyết định đầu tư của các nhà đầu tư nước khác vào Việt Nam.

*Thứ tư*, FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam đã góp phần bổ sung vốn đầu tư cho phát triển kinh tế, mở rộng xuất khẩu và tăng sức cạnh tranh cả về sản phẩm và thị trường, góp phần tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển giao công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến, tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực cho Việt Nam. Hơn nữa, FDI của

Hoa Kỳ còn đóng góp tích cực và hiệu quả vào các hoạt động cộng đồng, giáo dục, văn hóa, xã hội của Việt Nam.

*Thứ năm*, thông qua hoạt động thu hút FDI Hoa Kỳ, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng được tăng cường, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế; đồng thời giúp Việt Nam củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đẩy nhanh tiến trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Hoạt động thu hút FDI của Hoa Kỳ dẫn đến hoạt động ngoại giao giữa hai nước nhộn nhịp hơn, nhiều đoàn các cấp chính quyền, doanh nghiệp hai nước thăm viếng lẫn nhau để trao đổi và tìm hiểu cơ hội đầu tư; nhiều hợp đồng, cam kết, hiệp định đã ra đời góp phần tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai nước, tạo tiền đề cho mở rộng các quan hệ đối ngoại khác. Hiện nay, Hoa Kỳ là cường quốc số một thế giới, có ảnh hưởng rất lớn, do đó quan hệ tốt đẹp với Hoa Kỳ, tranh thủ sự ủng hộ của Hoa Kỳ là một trong những yếu tố giúp Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước và tổ chức khác trên thế giới, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế trong thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam thời gian qua, cụ thể:

*Một là*, giá trị FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của các nhà đầu tư Hoa Kỳ. Việt Nam chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư của Hoa Kỳ lớn, có vai trò ảnh hưởng quan trọng đến phát triển kinh tế Việt Nam; chưa thu hút được nhiều dự án công nghệ cao từ Hoa Kỳ, nên chưa tạo ra lan tỏa mạnh đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và ra thế giới; chưa thu hút được nhân lực, công nghệ nguồn, công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến từ Hoa Kỳ và các nước khác vào Việt Nam cũng như gắn chặt lợi ích của Hoa Kỳ vào Việt Nam.

*Hai là*, phương pháp, nội dung, đối tượng tham gia XTĐT, đối tượng cần XTĐT của hoạt động XTĐT FDI của Việt Nam với nhà đầu tư Hoa Kỳ chưa hiệu quả.

*Ba là*, cơ cấu đầu tư và phân bổ đầu tư chưa hợp lý về cả lĩnh vực đầu tư và khu vực đầu tư. Mục tiêu của Việt Nam trong thu hút FDI của Hoa Kỳ là muốn tận dụng vốn lớn, khoa học công nghệ, kỹ

thuật hiện đại của Hoa Kỳ cho phát triển kinh tế, tuy nhiên, hầu hết các dự án vốn lớn của Hoa Kỳ đều vào lĩnh vực dịch vụ, bất động sản, không phải lĩnh vực liên quan đến khoa học – công nghệ, cơ khí, tài chính... Do đó, làm mất cân đối trong lĩnh vực đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư Hoa Kỳ chủ yếu đầu tư vào một số địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng tốt, do đó, mục tiêu phân bổ đầu tư để cân bằng điều kiện kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền trong cả nước bị ảnh hưởng.

*Bốn là*, trong các doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam vẫn còn hiện tượng “chuyên giá”, định giá nhập khẩu hàng hóa từ công ty mẹ cao, xuất khẩu hàng hóa cho công ty mẹ thấp, dẫn đến “thua lỗ” để trốn nộp thuế cho nhà nước Việt Nam. Không những thế có doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ còn đăng ký vốn đầu tư lớn, nhưng sau đó không đầu tư từ công ty mẹ mà huy động vốn ngay chính nước nhận đầu tư.

#### **\* Nguyên nhân của những hạn chế**

*Một là*, cạnh tranh trong thu hút FDI giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ngày càng khốc liệt, thị trường Việt Nam lớn nhưng sức mua đối với hàng hóa của Hoa Kỳ còn hạn chế, không những thế, các nhà đầu tư Hoa Kỳ không quá coi trọng lợi thế về lao động rẻ của Việt Nam trong quyết định của mình. Thêm vào đó, hiện nay Hoa Kỳ và nhiều nước trên thế giới đang lâm vào khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, dẫn đến các nhà đầu tư Hoa Kỳ giảm đầu tư ra nước ngoài cả về số dự án cũng như lượng vốn đầu tư.

*Hai là*, chất lượng lao động của Việt Nam thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu lao động tại các dự án công nghệ cao của Hoa Kỳ, các doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ vẫn khó tuyển lao động có kỹ năng, ngay cả lao động phổ thông làm việc trong môi trường công nghiệp. Thêm vào đó, Việt Nam chưa cải thiện tốt cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế chung, như vẫn thiếu điện cho sản xuất, chi phí vận tải cao vì chất lượng đường xá, giao thông, năng lực của các cảng biển kém... Hơn nữa, công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của các dự án lớn từ Hoa Kỳ, nhiều lĩnh vực Hoa Kỳ có nhu cầu đầu tư ở Việt Nam, nhưng do công nghiệp hỗ trợ yếu, nên Hoa Kỳ đã bỏ cuộc, chuyển hướng đầu tư sang nước khác có

nền công nghiệp hỗ trợ tốt hơn.

*Ba là*, nhiều cơ quan các cấp ở Việt Nam chưa nhận thức đúng trách nhiệm của mình trong tham gia XTĐT FDI, coi đó là công việc của riêng ngành kế hoạch - đầu tư, do đó chưa thấy được sự phong phú của lực lượng tham gia hoạt động XTĐT FDI và phát huy nguồn lực này. Bên cạnh đó, có lúc, có nơi, hoạt động XTĐT FDI của Hoa Kỳ mang tính đại trà, phong trào. Nhiều cơ quan, địa phương Việt Nam chưa phân định rõ ràng đối tượng cần thu hút đầu tư trong từng giai đoạn cụ thể, với các ngành, lĩnh vực thế mạnh cụ thể của Hoa Kỳ có lợi ích phù hợp với mong muốn của Việt Nam. Nội dung thu hút FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam còn chung chung, chưa đáp ứng được đặc điểm riêng của đối tượng Hoa Kỳ.

*Bốn là*, tổng hợp các yếu tố liên quan đến định hướng, chiến lược kinh doanh của các nhà đầu tư Hoa Kỳ; cơ chế, chính sách thu hút FDI của Việt Nam; yếu tố môi trường quốc tế... Các nhà đầu tư Hoa Kỳ đánh giá hạn chế về môi trường đầu tư của Việt Nam như: tiến trình đổi mới nền kinh tế còn chậm; thị trường tài chính chưa ổn định có nhiều rủi ro trong kinh doanh, chưa chuyên đổi đủ độ để được thị trường tài chính lành mạnh cho hoạt động thương mại và đầu tư; hiệu quả kinh tế và năng suất lao động thấp do sự yếu kém về năng lực cạnh tranh quốc tế còn kém so với các nước khác trong khu vực; chưa đảm bảo tốt việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như cam kết quốc tế; tình trạng quan liêu, tham nhũng, khác biệt về văn hóa, tập quán và luật lệ thương mại làm tổn thời gian và cản trở thực hiện đầu tư.

*Năm là*, Việt Nam và Hoa Kỳ chưa tận dụng hết vai trò, lợi ích của các hiệp định, thỏa thuận, tổ chức hợp tác kinh tế mà hai nước đã đạt được để tăng cường quan hệ kinh tế, thúc đẩy hiệu quả hành lang pháp lý mà các hiệp định, thỏa thuận đã tạo ra. Nhiều nhà đầu tư Hoa Kỳ chưa yên tâm về hoạt động đầu tư, cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, do đó còn e ngại khi đầu tư vào Việt Nam.

*Sáu là*, năng lực quản lý nhà nước về vốn và hoạt động “chuyển giá” của cơ quan nhà nước Việt Nam chưa cao, chưa có chế tài đủ mạnh đối với hoạt động này.

### **3. Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả FDI của Hoa Kỳ thời gian tới**

Để tiếp tục thúc đẩy hoạt động thu hút và sử dụng hiệu quả, xứng với tiềm năng, lợi thế của FDI Hoa Kỳ, Việt Nam nên áp dụng đồng bộ một số giải pháp sau:

*Nhóm giải pháp 1: Việt Nam đảm bảo yên tâm cho các nhà đầu tư Hoa Kỳ về chính sách, cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, an toàn cho hoạt động đầu tư*

Việt Nam tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng, cải thiện chính sách điều hành nền kinh tế phát triển ổn định, tài chính linh hoạt... Đồng thời, Việt Nam cần tiếp tục cam kết và thực hiện đường lối hội nhập kinh tế quốc tế; công khai, minh bạch các chính sách, cơ chế quản lý đối với hoạt động đầu tư nước ngoài; tiếp tục rà soát và sửa đổi các văn bản pháp quy liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế cho phù hợp với quy định và cam kết gia nhập WTO của Việt Nam; chủ động tham gia và đóng góp tích cực tại các diễn đàn, tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực có Hoa Kỳ tham gia nhằm đảm bảo sự ổn định về chính sách kinh tế và các chính sách này phù hợp với tiêu chuẩn chung của thế giới.

Tiếp tục tăng cường các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhất là đối với sản phẩm công nghệ cao theo luật Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam và cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này, trong đó áp dụng các biện pháp trừng phạt nặng lỗi vi phạm bản quyền, sao chép và tuyên truyền rộng rãi về việc chấp hành luật này trong nhân dân.

*Nhóm giải pháp 2: Việt Nam cần chủ động, tích cực hợp tác với các cơ quan của Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước, qua đó tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư của nhà đầu tư Hoa Kỳ và thu hút đầu tư của Việt Nam*

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các hiệp định đã ký với Hoa Kỳ như: BTA, Hiệp định dệt may, Hiệp định hàng không... và các cam kết trong các chuyến thăm cấp cao giữa hai nước vừa qua, nhằm khai thác tối đa những mặt lợi, giảm thiểu những tác động tiêu cực theo hướng tăng cường thu hút FDI của Hoa Kỳ.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn Việt Nam - Hoa Kỳ để nghiên cứu, đề xuất cơ chế hợp tác mới nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ và giữa các doanh nghiệp hai nước.

- Tiếp tục tác động và chứng minh với phía Hoa Kỳ để Hoa Kỳ sớm công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường. Đồng thời thúc đẩy các cuộc đàm phán hiện nay để nâng cao vai trò của Việt Nam tại TPP; ký TIFA và BIT với Hoa Kỳ.

- Hỗ trợ các dự án FDI của Hoa Kỳ đã được cấp phép hoặc đang đàm phán, chuẩn bị đầu tư bằng cách chủ động đàm phán với phía Hoa Kỳ để tìm và giải quyết sớm các vướng mắc gặp phải.

*Nhóm giải pháp 3: Việt Nam tiếp tục khắc phục các yếu kém về kết cấu hạ tầng, chất lượng lao động, thủ tục hành chính, quản lý vốn và hoạt động “chuyên gia”...*

- Việt Nam nên tiếp tục quy hoạch, làm mới và tu sửa kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các cảng biển và nhà máy điện, theo hướng phù hợp cho các dự án công nghiệp, chế tạo, công nghệ cao của Hoa Kỳ. Đồng thời, chú ý cân bằng trong đầu tư kết cấu hạ tầng tại miền Bắc và miền Nam, nông thôn, miền núi và thành thị. Thêm vào đó, Việt Nam nên thúc đẩy các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia phát triển kết cấu hạ tầng.

- Việt Nam tiếp tục đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo để phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng mũi nhọn vào các lĩnh vực công nghệ cao, là thế mạnh của Hoa Kỳ và thế giới; định hướng, khuyến khích và mở rộng hình thức liên kết, hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo trong nước (Đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo) với các doanh nghiệp của Hoa Kỳ và các nước có công nghệ cao, theo định hướng đầu tư của các doanh nghiệp trên, để tạo ra đội ngũ lao động đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư; tăng cường giáo dục ý thức kỷ luật của người lao động.

- Tiếp tục rà soát các quy định hành chính nhằm loại bỏ các thủ tục thừa, không còn phù hợp, đồng thời xây dựng các chính sách ưu đãi đối với các lĩnh vực ưu tiên vào các địa phương ưu tiên phát triển của Việt Nam.

- Từ trung ương đến địa phương Việt Nam nên tiếp tục quy hoạch các ngành, lãnh thổ, cơ cấu kinh

tế thống nhất trên phạm vi cả nước. Trước hết, khẩn trương qui hoạch các khu công nghiệp, nhất là tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cho lĩnh vực công nghệ cao, là thế mạnh của Hoa Kỳ, để đón đầu các doanh nghiệp Hoa Kỳ có công nghệ cao đang có ý định đầu tư hoặc mở rộng đầu tư vào Việt Nam. Trên cơ sở đó xác định các dự án trong nước tự đầu tư, các dự án cần thu hút FDI theo ngành và lãnh thổ cũng như xác định yêu cầu tương ứng về công nghệ.

- Việt Nam cần có những quản lý chặt chẽ đối với hoạt động giải ngân hoặc huy động vốn trong nước và “chuyên gia” của các nhà đầu tư Hoa Kỳ. Sẵn sàng thắt chặt hoặc loại bỏ đối với các nhà đầu tư không tuân thủ các quy định của Việt Nam.

*Nhóm giải pháp 4: Việt Nam cần nâng cao hiệu quả công tác XTĐT đối với FDI của Hoa Kỳ*

- Về đối tượng XTĐT đối với Hoa Kỳ và đối tượng tham gia XTĐT của Việt Nam: Việt Nam xác định đối tác cần XTĐT không chỉ các nhà đầu tư lớn của Hoa Kỳ mà còn cả các nhà đầu tư nhỏ nhưng áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với trình độ, định hướng phát triển của Việt Nam, để từng bước tiếp cận với công nghệ cao, đem lại hiệu quả ngay, coi các nhà đầu tư này là đối tượng chính trong giai đoạn hiện nay. Đối với các nhà đầu tư lớn, cần có sự tiến hành nghiên cứu chi tiết về các nhà đầu tư này để tìm hiểu, chia nhỏ các lĩnh vực thế mạnh của họ hoặc lĩnh vực họ đang quan tâm, từ đó có chính sách tập trung thu hút các nhà đầu tư này vào các lĩnh vực, thế mạnh trên. Lực lượng tham gia môi giới đầu tư cũng rất quan trọng, cần được sử dụng trong quá trình XTĐT, lực lượng này có thể là các doanh nghiệp chuyên XTĐT tại Hoa Kỳ và Việt Nam, hoặc các cá nhân đang làm việc trong doanh nghiệp Hoa Kỳ đặc biệt là người Hoa Kỳ gốc Việt,... Đối tượng tham gia XTĐT đối với Hoa Kỳ không chỉ là các cơ quan chính phủ hoặc các cơ quan địa phương phụ trách thu hút đầu tư mà còn là công việc của tất cả các ngành và có sự tham gia của các doanh nghiệp Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, các lưu học sinh Việt Nam tại Hoa Kỳ, các chuyên gia, cán bộ Việt Nam sang Hoa Kỳ tham quan, học tập, trao đổi...

- Về lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư từ đối tác Hoa Kỳ: Các nhà đầu tư Hoa Kỳ thường có xu hướng

đầu tư vào lĩnh vực thu lại hiệu quả nhanh, như: các ngành công nghệ cao, chế tạo máy, điện tử, viễn thông, công nghệ sinh học, khai khoáng, bất động sản, du lịch, giáo dục, y tế... Đây là căn cứ để xác định lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư từ Hoa Kỳ. Đối với từng lĩnh vực, Việt Nam nên có những chiến lược riêng, tập trung vào từng khía cạnh nhỏ, nhưng là khía cạnh phù hợp với thế mạnh của nhà đầu tư Hoa Kỳ để xây dựng chiến lược thu hút đầu tư của Hoa Kỳ vào lĩnh vực này, tránh xác định chung chung, không rõ ràng, cụ thể gây khó cho việc xác định, lựa chọn đối tác Hoa Kỳ cụ thể cần thu hút đầu tư.

- Về nội dung XTĐT: Việt Nam tiếp tục tập trung tuyên truyền, giới thiệu những đánh giá thuận lợi, khách quan về môi trường đầu tư của Việt Nam như chính sách hội nhập, ưu đãi thuế, ưu đãi về đất thành lập doanh nghiệp, thủ tục đăng ký và tiến hành đầu tư, nguồn lao động, nền kinh tế, kết cấu hạ tầng, các khu công nghiệp, chế xuất... từ trung ương đến địa phương của các chuyên gia, doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước, từ đó đưa ra những cơ hội đầu tư phù hợp với đối tác Hoa Kỳ đang quan tâm. Đồng thời, nội dung xúc tiến phải đưa ra các dự án đầu tư cụ thể theo ngành, lĩnh vực, địa phương. Ngoài ra, điểm đáng lưu ý là các dự án cụ thể tham gia thu hút đầu tư không chỉ do nhà nước đưa ra mà còn do các doanh nghiệp Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam đưa ra, chính phủ Việt Nam nên coi đây cũng là nguồn thu hút FDI Hoa Kỳ quan trọng, các dự án này phải được lập cụ thể, dự trữ vốn, khả năng sinh lời, những yếu tố phát sinh... Nội dung xúc tiến còn bao gồm các đối tác cụ

thể, các cơ quan (có tên, địa chỉ, người đại diện cụ thể), các bước tiến hành đàm phán, đăng ký và kinh doanh để các nhà đầu tư Hoa Kỳ thuận tiện khi liên hệ đầu tư. Việc XTĐT phải được coi như hoạt động “bán hàng”, quá trình XTĐT như hoạt động Marketing cho bán hàng, dự án như “sản phẩm” và nhà đầu tư là khách hàng, sản phẩm càng tốt, cụ thể, thủ tục dễ dàng, hoạt động Marketing tốt thì càng dễ cho “bán hàng”.

- Về phương pháp và tổ chức các hoạt động XTĐT: Việt Nam nên xem xét hoạt động XTĐT là hoạt động thường xuyên, trong tất cả các khâu của quá trình hợp tác kinh tế với đối tác nước ngoài, đây không chỉ là hoạt động của riêng ngành kế hoạch – đầu tư ở trung ương và địa phương, mà còn là hoạt động của tất cả các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hợp tác với đối tác nước ngoài. Vì vậy, phương pháp tiến hành XTĐT không chỉ dừng lại tại các hội nghị XTĐT được tổ chức tại Hoa Kỳ hoặc Việt Nam, mời các nhà đầu tư đến tham dự, hoặc trong các chuyến thăm cấp cao giữa lãnh đạo hai nước, mà còn được thực hiện ở tất cả các ngành, doanh nghiệp, cá nhân (cán bộ đi công tác, học tập nước ngoài, lưu học sinh, người Hoa Kỳ gốc Việt,...) thông qua hợp tác, giao lưu, hội nghị khoa học, các cuộc thi... để tranh thủ giới thiệu về môi trường, cơ hội đầu tư tại Việt Nam. Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, các cơ quan đại diện của Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ, cộng đồng người Hoa Kỳ gốc Việt đang làm việc tại các doanh nghiệp lớn của Hoa Kỳ... nhằm làm cầu nối giữa nhà đầu tư Hoa Kỳ và Việt Nam. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Đặng Hoàng Thanh Nga (2011), *Đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia Hoa Kỳ ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đoàn Ngọc Phúc (2004), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam – Thực trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam* số 315/2004, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Bình (2010), 15 năm quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ sau 15 năm bình thường hóa*, tháng 7/2010, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Mạnh (2010), “Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ sau 15 năm bình thường hóa quan hệ”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 6(147)/2010.
5. Nguyễn Thiết Sơn (2010), “Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ, triển vọng hợp tác”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 6(147)/2010.